

CÔNG BỐ QUỐC TẾ VỚI KHOA HỌC GIÁO DỤC

Có phải là nhiệm vụ bất khả thi?

✎ TS Nguyễn Hoài Nam
Khoa Sư phạm Kỹ thuật

Các trường đại học là nơi cung cấp nguồn nhân lực cao, đáp ứng yêu cầu của nước nhà và xã hội trong bối cảnh hội nhập và một nền kinh tế tri thức. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, nhà trường phải cơ quan NCKH mạnh mẽ và ứng dụng những nghiên cứu đó để nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời từng bước đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn cuộc sống nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội theo hướng tích cực.

Trong nhiều đánh giá của các tổ chức xếp hạng các trường đại học trên thế giới, một trong những tiêu chí quan trọng là chất lượng giảng viên và kết quả nghiên cứu. Mặc dù còn có những tranh luận về tác động tiêu cực của việc xếp hạng song những kết quả đánh giá góp phần không nhỏ tới việc xây dựng thương hiệu, uy tín của trường đại học trong cộng đồng khoa học trên thế giới, cũng như sự lựa chọn ngành nghề của thí sinh trước khi bước vào cổng trường đại học⁽¹⁾.

Trong một nghiên cứu của Viện nghiên cứu xếp hạng các tổ chức giáo dục có tên là SCImago (Tây Ban Nha) năm 2012, thực hiện với 3290 tổ chức giáo dục đại học của 106 nước trên thế giới, hai trường bạn là ĐHQG Hà Nội và ĐH Bách Khoa Hà Nội lần lượt được xếp hạng 3155/3160 trên thế giới, 854/857 trường trong khu vực, 3/4 trường trong nước. Đáng tiếc là

trường ĐHSP Hà Nội chưa được kể đến trong danh sách. Xếp hạng của SCImago trong báo cáo năm 2012 về mặt công bố khoa học được bổ sung chỉ báo “lãnh đạo” ngầm chỉ định về tỷ lệ phần trăm tác giả chính của công trình khoa học công bố quốc tế là người trong biên chế của một cơ sở, trường, viện được xếp hạng. Chỉ số này đặt bên cạnh một số tiêu chí được đem ra so sánh, đánh giá khác đã biết như đầu ra, hợp tác quốc tế (với đồng nghiệp quốc tế), chỉ số tác động (đo ảnh hưởng của nghiên cứu), chỉ số chất lượng khoa học (nhắm vào tỷ lệ bài báo được công bố trên các tập san, tạp chí khoa học hàng đầu thế giới), chỉ số chuyên biệt hóa, chỉ số xuất sắc... Cũng theo sự nghiên cứu của tổ chức này, với lĩnh vực khoa học giáo dục, trong năm 2011, về một chỉ số liên quan đến việc được trích dẫn công bố quốc tế của bài báo, công trình khoa học, hay chỉ số H, trong nhóm quốc gia Đông Nam Á cho thấy chỉ số này của Việt Nam đứng thứ 6 và ở mức 5 điểm, xếp dưới các quốc gia Singapore (27 điểm), Malaysia (17 điểm), Thailand (9 điểm), Philippines (6 điểm), Indonesia (6 điểm) và chỉ đứng trên Lào và Campuchia với 2 điểm⁽²⁾ (xếp hạng năm 2013, 2014 với số lượng các trường ít hơn nên Việt Nam không xuất hiện trong bảng danh sách).

Mặc dù chỉ là thông tin tham khảo, nhưng những con số trên khiến chúng ta phải suy nghĩ về năng lực nghiên cứu, khả năng công bố quốc tế của cán

⁽¹⁾ *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Đánh giá - xếp hạng các trường đại học và cao đẳng Việt Nam”, Ban Liên lạc các trường đại học và cao đẳng Việt Nam, Tp.HCM, 2010.*

⁽²⁾ Website: <http://www.scimagoir.com>

bộ nghiên cứu Việt Nam nói chung và trường ĐHSP Hà Nội nói riêng, đặc biệt là với khoa học giáo dục.

Trong bài viết tại Hội thảo nâng cao chất lượng NCKH của trường ĐHSP Hà Nội, tác giả đã phân tích và đề xuất một số biện pháp. Trong nội dung bài viết này, chúng tôi thảo luận một số biện pháp khả dĩ để có thể tăng cường công bố quốc tế cho các nghiên cứu của khoa học giáo dục.

Những rào cản của khoa học giáo dục với công bố quốc tế

Theo ý kiến chủ quan của người viết, những trở ngại đối với công bố quốc tế của khoa học giáo dục có thể đến từ những lí do sau:

Rào cản về ngôn ngữ: những bài viết công bố quốc tế đòi hỏi một chuẩn mực nhất định trong diễn đạt, từ vựng và ngôn ngữ - đó là một khó khăn rất lớn với những người mới viết bằng tiếng nước ngoài.

Rào cản về thông tin: thực chất cũng là do hạn chế về ngôn ngữ, nên việc tiếp cận thông tin, những thành tựu của khoa học thế giới trong lĩnh vực chuyên ngành nghiên cứu không được cập nhật. Điều tất yếu là tổng quan của vấn đề nghiên cứu khó đạt chuẩn quốc tế, dẫn tới phương pháp, cách tiếp cận, kết quả nghiên cứu có khi không bắt kịp dòng chảy của thế giới, và do đó khó có thể được phản biện thông qua.

Sơ xuất không tìm hiểu kĩ thông tin: mỗi tạp chí có những thiên hướng công bố nhất định, những chuẩn định và những lưu ý cần thiết đối với tác giả. Tìm hiểu chưa kĩ những thông tin này khiến bài viết có thể mắc phải những lỗi không đáng có.

Kinh phí đăng bài: kinh phí đăng bài công bố quốc tế cũng là một trở ngại khá lớn. Dĩ nhiên có một số tạp chí có chế độ hỗ trợ kinh phí hoặc giảm một phần kinh phí đối với các tác giả đến từ các nước có thu nhập

thấp như Việt Nam, tuy nhiên kinh phí thường khá lớn, từ một vài trăm tới vài ngàn USD. Điều đó là hầu như bất khả kháng với các tác giả tự bỏ tiền để gửi đăng bài.

Những gợi ý để công bố quốc tế với khoa học giáo dục không phải là nhiệm vụ bất khả thi

Theo người viết, để vượt qua những rào cản nói trên, những biện pháp cần xúc tiến như sau:

Về phía người viết

- Tăng cường thu thập thông tin để theo kịp dòng chảy, cập nhật những nghiên cứu mới nhất về khoa học thế giới. Bằng việc đọc các nghiên cứu bằng ngôn ngữ quốc tế, phần nào cũng giúp người viết học thêm cách diễn đạt, hành văn, ngôn ngữ... để chuẩn bị cho bài viết của mình. Những nội dung nghiên cứu có thể tìm thấy từ các trang mạng xã hội dành cho giới học thuật và nghiên cứu như: Researchgate (researchgate.net), Social Science Research Network (www.ssrn.com), Academia (www.academia.edu), Arxiv (arxiv.org), bioRxiv (biorxiv.org), Nature Precedings (precedings.nature.com), Philica (www.philica.com), Vixra (vixra.org)... Với Việt Nam thì có danh mục của Cục Thông tin và Công nghệ Quốc gia (<http://db.vista.gov.vn/>) cũng là nguồn cung cấp thông tin phong phú. Ngoài ra, thông tin có thể tìm thấy từ các công cụ tìm kiếm thông tin như Google hoặc scholar.google.com,...

- Tham khảo kinh nghiệm của các chuyên gia đã từng có nhiều công bố quốc tế để học hỏi cách viết cho phù hợp với tạp chí định gửi bài: Ví dụ: http://www.vncreatures.net/bc_kh.php (truy cập 8/9/2015). Đây là bài viết tổng kết kinh nghiệm của GS Nguyễn Văn Tuấn (Chuyên gia nghiên cứu cao cấp của Ủy hội Nghiên cứu y khoa và y tế quốc gia Úc). Bài viết gồm những chuyên mục sau:

Phần 1: Cách viết một bài báo khoa học (tổng quan)

Phần 2: Cách viết một bài báo khoa học (giới thiệu)

Phần 3: Cách viết một bài báo khoa học (bàn về dẫn nhập)

Phần 4: Cách viết một bài báo khoa học (bàn về phương pháp)

Phần 5: Cách viết một bài báo khoa học (kết quả)

Phần 6: Cách viết một bài báo khoa học (bàn luận)

Phần 7: Mười nguyên lí để tăng khả năng công bố bài báo khoa học (1)

Phần 8: Mười nguyên lí để tăng khả năng công bố bài báo khoa học (2)

Phần 9: Đánh giá tạp san khoa học: Chỉ số Eigenfactor

Phần 10: Cách viết bình duyệt (peer review).

Phần 11: Cách trả lời bình duyệt (response to peer review)

Mặc dù đó là kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực y khoa nhưng vẫn có thể áp dụng tốt đối với những người nghiên cứu lĩnh vực khoa học giáo dục và khoa học xã hội.

Việc đăng ký vào những trang mạng dành cho giới học thuật cũng làm tăng cường khả năng giao lưu, học hỏi, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố những kết quả nghiên cứu của cá nhân đối với quốc tế (Ví dụ: tăng khả năng trích dẫn công trình...)

- Trong khi viết, sử dụng các công cụ để soát lỗi chính tả, văn phạm... để hạn chế những sai sót về mặt ngôn ngữ. Những công cụ hỗ trợ khá phổ biến có thể tìm thấy là Ginger (ginger.com), PerfectIt (intelligentediting.com)...

Ngoài ra, cần thiết có những công cụ từ điển online để tra từ như từ điển Cambridge (dictionary.cambridge.org), từ điển đồng nghĩa Collin

(www.collinsdictionary.com/english-thesaurus)... Nếu có thể, khi hoàn chỉnh bài viết, tốt nhất nên nhờ chuyên gia hiệu đính (proof-reader) để đảm bảo được cách hành văn trong sáng mà không phải lúc nào các công cụ tự động cũng thực hiện tốt.

- Khi viết bài, tuyệt đối nên tránh lỗi “đạo văn” (vô tình hay cố ý), bằng cách diễn đạt lại một cách chính xác và ngắn gọn theo cách của mình một kiến thức tham khảo được trong tài liệu có sẵn mà không nhắc lại nguyên văn lời của tác giả. Kỹ thuật thực hiện bao gồm⁽³⁾:

- Sử dụng hệ thống từ vựng đồng nghĩa. Tuy nhiên phải chú ý từ đồng nghĩa rất đa dạng và không thể thay thế hoàn toàn trong mọi ngữ cảnh. Tốt nhất nên tham khảo ví dụ về sử dụng từ đồng nghĩa trước khi thực hiện để không làm sai lệch ý câu văn nguyên gốc.

- Sử dụng cấu trúc ngữ pháp khác.

- Thay đổi thứ tự từ trong câu bằng cách thêm các mệnh đề quan hệ nhưng phải chú ý không thay đổi ngữ nghĩa

Và chú ý áp dụng hệ thống quy tắc trích dẫn tài liệu APA Style (xem chú thích (3)).

- Lựa chọn các tạp chí phù hợp để gửi bài. Tốt nhất là nên đọc trước phần giới thiệu về tạp chí, những vấn đề, chuyên ngành hẹp mang tính thời sự mà tạp chí quan tâm, và một số bài viết đã đăng trên tạp chí (nếu là tạp chí mở - open access). Trường hợp là tạp chí đóng, có thể tìm hiểu các bài đăng trên tạp chí đó

⁽³⁾Website: <http://lv.edu.vn/vi/tin-tuc/ky-nang-tham-khao-trich-dan-tai-lieu-tranh-loi-sao-chep-dao-van-trong-tieng-anh-hoc-thuat-phan-3/>, <http://dantri.com.vn/xa-hoi/ky-nang-tham-khao-trich-dan-tai-lieu-tranh-loi-sao-chep-dao-van-trong-tieng-anh-hoc-thuat-phan-1-1372805033.htm>



Bìa tạp chí tác giả đã đăng bài. Ảnh: tác giả cung cấp

từ các nguồn khác nhau như đã nêu ở trên. Có thể tham khảo danh mục các tạp chí quốc tế được xem là có uy tín từ Quyết định của Quỹ Khoa học và Công nghệ quốc gia (http://www.nafosted.gov.vn/uploads/news/2015_08/qd-va-huong-dan-tra-cuu-danh-muc-tcqt.rar)

Với những biện pháp nói trên, và bằng sự nỗ lực của bản thân, nên mặc dù kinh nghiệm nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục chưa nhiều, chúng tôi bước đầu trong 2 năm 2014 và 2015 đã có 03 công trình NCKH được công bố quốc tế. Đó là:

- Le Xuan Quang, Le Huy Hoang, Vu Dinh Chuan, Nguyen Hoai Nam*, Nguyen Thi Tu Anh and Vu Thi Hong Nhung. *Integrated Science, Technology, Engineering and Mathematics (STEM) Education*

through Active Experience of Designing Technical Toys in Vietnamese Schools. British Journal of Education, Society & Behavioural Science. ISSN: 2278-0998, 11 (2), 1-12, 2015

- Nguyen Hoai Nam. *Utilizing the Active and Collaborative Learning Model in the Introductory Physics Course.* Journal of Education and Learning. ISSN 1927-5250 (Print) ISSN 1927-5269 (Online), 3, 108-124, 2014

- Nguyen Hoai Nam. *Building active and cooperative learning environment in introductory physics course of faculty of technology education.* Journal of Pedagogy and Psychology. ISSN 2307-7891, 2 (6), 41-47, 2014

VỀ PHÍA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC

- Tiếp tục có những chính sách và biện pháp hỗ trợ khuyến khích công bố quốc tế: bằng vật chất, bằng quy định tính số giờ giảng, tính hệ số thi đua.

- Có những hội thảo, thảo luận chuyên đề trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ cho người nghiên cứu, nhóm nghiên cứu.

Với những nỗ lực của những người hăng say NCKH, và coi NCKH như là một nhiệm vụ bắt buộc và thiết yếu của giảng viên, cùng với chính sách, hỗ trợ của nhà trường, chúng tôi tin rằng, trong thời gian không xa, việc công bố quốc tế hoàn toàn không phải là nhiệm vụ bất khả thi của khoa học giáo dục nói riêng, NCKH nói chung của cán bộ, giảng viên trường ĐHSP Hà Nội. Những thành tựu trong NCKH sẽ tiếp tục nâng vị thế của trường ĐHSP Hà Nội lên những tầm cao mới, đáp ứng được mong mỏi của giáo dục và xã hội nước nhà. □